

**CÔNG TY TNHH TRÍ TUỆ
NHÂN TẠO QUY NHƠN**

Số: 42/CV-AIQN

V/v thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được đưa vào kinh doanh đối với 178 căn nhà tại các lô đất LK04, LK05, LK06, LK07 thuộc Dự án Trung tâm Trí tuệ nhân tạo – Đô thị phụ trợ.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày 29 tháng 5 năm 2026

Kính gửi: Sở Xây dựng Tỉnh Gia Lai

Lời đầu tiên, Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn (Chủ đầu tư dự án) xin gửi tới Quý Sở lời cảm ơn về sự hỗ trợ và hợp tác trong thời gian qua.

Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn là Chủ đầu tư dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo – Đô thị phụ trợ (“gọi tắt là Dự án”) tại Phường Quy Nhơn Tây và Phường Quy Nhơn Bắc, Tỉnh Gia Lai.

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản;

Căn cứ tình hình triển khai thực tế dự án và hồ sơ pháp lý kèm theo.

Hiện nay, Chủ đầu tư đã hoàn thành các thủ tục theo quy định để đủ điều kiện đưa nhà ở hình thành trong tương lai vào kinh doanh gồm 178 căn nhà ở liên kế thuộc các lô đất LK04, LK05, LK06, LK07 của Dự án nêu trên.

Chủ đầu tư kính đề nghị Sở Xây dựng xem xét, kiểm tra và xác nhận các căn nhà ở hình thành trong tương lai nói trên đủ điều kiện được đưa vào kinh doanh theo quy định của Luật Kinh doanh bất động sản, với các nội dung như sau:

I. Thông tin về dự án

- Tên dự án:** Trung tâm trí tuệ nhân tạo – Đô thị phụ trợ.
- Địa điểm xây dựng:** Phường Quy Nhơn Tây và Phường Quy Nhơn Bắc, Tỉnh Gia Lai.
- Chủ đầu tư:** Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn.

Quy mô dự án:

- Loại cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

- Quy mô sử dụng đất: Căn cứ Quyết định số 895/QĐ-UBND ngày 18/03/2024 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ, thành phố Quy Nhơn thì quy mô dự án khoảng 93,24 ha, thông tin cụ thể về thành phần sử dụng đất như sau:

Stt	Thành phần đất	Chỉ tiêu quy hoạch	
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
Tổng diện tích dự án		932.444,00	100,00
1	Đất trung tâm nghiên cứu trí tuệ nhân tạo AI	111.307,00	11,94
2	Đất công trình công cộng	3.000,90	0,32
2.1	Đất xây dựng trạm y tế	1.000,60	
2.2	Đất xây dựng chợ (có kinh doanh)	2.000,30	
3	Đất giáo dục	34.673,57	3,72
3.1	Trường Mầm non	11.044,00	
3.2	Trường Tiểu học	23.628,83	
3.3	Trường THCS		
3.4	Trường THPT		
4	Đất ở đô thị	295.790,79	31,72
4.1	Đất ở xây dựng nhà liên kế	226.108,75	
4.2	Đất ở xây dựng nhà biệt thự		
4.3	Đất ở xây dựng nhà ở xã hội	61.066,04	
4.4	Đất ở xây dựng nhà chung cư hỗn hợp	8.616,00	
5	Đất cây xanh	39.336,30	4,21
6	Đất hạ tầng kỹ thuật	263.602,48	28,27
6.1	Bãi đậu xe	9.225,57	
6.2	Đường giao thông	225.924,31	
6.3	Mái taluy & mương HTKT	28.452,60	
7	Đất rừng phòng hộ	184.732,90	19,81

II. Pháp lý của dự án

1. Thông tin pháp lý về thủ tục đầu tư

- Quyết định số 4922/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND Tỉnh Bình Định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất Dự án: Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn.

- Hợp đồng số 03/HĐ-DASDD ngày 21/01/2021 của Sở Xây Dựng Bình Định - Liên danh FPT Quy Nhơn (Nhà đầu tư) & Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn (Doanh nghiệp dự án) Hợp đồng dự án đầu tư có sử dụng đất.

2. Giấy tờ về đất đai

- Quyết định số 3885/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao đất, cho thuê đất (đợt 2) đối với Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn để thực hiện dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo – Đô thị phụ trợ tại Phường Trần Quang Diệu, Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn;
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA04137592 được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai cấp ngày 25/3/2026.

3. Thông tin pháp lý về hồ sơ quy hoạch, thiết kế, xây dựng

- Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 04/03/2022 của UBND Tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm trí tuệ nhân tạo – Đô thị phụ trợ, thành phố Quy Nhơn.
- Quyết định số 895/QĐ-UBND ngày 18/03/2024 của UBND Tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ, thành phố Quy Nhơn.
- Quyết định số 1806/QĐ-BTNM ngày 02/07/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ”.
- Văn bản số 256/HĐXD-QLDA ngày 21/08/2024 của Cục hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Quyết định số 36B/QĐ-AIQN ngày 30/08/2024 của Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn về việc Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật Dự án: Trung tâm trí tuệ nhân tạo – Đô thị phụ trợ, Địa điểm: Phường Trần Quang Diệu và Phường Bùi Thị Xuân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Giấy chứng nhận số 250/TD-PCCC ngày 01/11/2024 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Về việc chứng nhận Thẩm duyệt thiết kế về Phòng cháy và chữa cháy.

- Quyết định số 53/QĐ-AIQN ngày 07/11/2024 của Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo về việc Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật Giai đoạn I (44.75 ha).
- Báo cáo số 24/BC-AIQN ngày 12/02/2025 của Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn về việc Báo cáo khởi công xây dựng hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật (giai đoạn 1) dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo – Đô thị phụ trợ, thành phố Quy Nhơn.
- Văn bản số 56/SXD-QLXDTĐ ngày 29/04/2025 của Sở Xây dựng Bình Định V/v thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo – Đô thị phụ trợ; Hạng mục: Nhà liên kế.
- Văn bản số 94/SXD-QLXDTĐ ngày 18/5/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai về việc thông báo kết quả thẩm định điều chỉnh, bổ sung Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo – Đô thị phụ trợ; Hạng mục: 24/218 mẫu Nhà liên kế.
- Thông báo số 334/TB-SXD ngày 05/05/2026 của Sở Xây dựng Gia Lai V/v Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành Hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật phân khu 02.01 & Phân khu 01.02 phục vụ các lô xây dựng nhà ở liên kế LK04 – LK05 – LK06 – LK07 thuộc giai đoạn I.
- Quyết định số 72A/QĐ-AIQN ngày 09/05/2025 của Tổng giám đốc Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở liên kế thuộc Dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo – Đô thị phụ trợ, thành phố Quy Nhơn.
- Quyết định số 28/QĐ-AIQN ngày 26/05/2026 về V/v thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở Nhà ở liên kế Giai đoạn 2 – 208 căn nhà ở liên kế thuộc các lô đất ở LK04, LK05, LK06, LK07, LK09 Dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo – Đô thị phụ trợ tại Phường Quy Nhơn Bắc và Quy Nhơn Tây, Tỉnh Gia Lai.
- Thông báo số 08/TB-AIQN ngày 26/05/2026 của Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn về việc Thông báo khởi công xây dựng Công trình: nhà ở liên kế giai đoạn 2 – 178 căn nhà liên kế thuộc các lô đất ở LK04, LK05, LK06, LK07 thuộc Dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo – Đô thị phụ trợ.

4. **Công khai thông tin về bất động sản, dự án bất động sản:** Chủ đầu tư đã đăng tải thông tin trên website của Chủ đầu tư: <https://aiqn.vn/tin-tuc/thong-bao-ve-nha-o-hinh-thanh-trong-tuong-lai-du-dieu-kien-duoc-ban-cho-thue-mua-thuoc-du-an-trung-tam-tri-tue-nhan-tao-do-thi-phu-tro-giai-doan-2>.

III. Thông tin về nhà hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua

Thông tin chi tiết các Căn nhà theo phụ lục 1 đính kèm.

IV. Các cam kết của Chủ đầu tư dự án

Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn cam kết chịu trách nhiệm về các thông tin về Dự án, Chủ đầu tư, nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án đầy đủ, chính xác, trung thực.

Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn cam kết chịu trách nhiệm về bảo đảm nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án đã đáp ứng đủ điều kiện để được bán, cho thuê mua theo quy định tại Điều 24 của Luật Kinh doanh bất động sản.

V. Đề nghị của Chủ đầu tư

Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn kính đề nghị Quý Sở xem xét chấp thuận thông báo của Chủ đầu tư về nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua.

Rất mong sự hỗ trợ và đồng hành của Quý Cơ quan.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT; PKD.

TỔNG GIÁM ĐỐC 

Phạm Tùng Lâm

DỰ ÁN: TRUNG TÂM TRÍ TUỆ NHÂN TẠO - ĐÔ THỊ PHỤ TRỢ; HẠNG MỤC: NHÀ LIỀN KẾ

PHỤ LỤC 1: CHI TIẾT VỊ TRÍ LÔ ĐẤT

STT	Tên lô đất	Thứ tự lô	Mẫu áp dụng	Diện tích lô đất (m2)	Diện tích xây dựng (m2)	Mật độ xây dựng (%)	Tổng diện tích sàn (m2) tính Hệ số SDD	Tổng diện tích sàn (m2)	Tầng cao	Hệ số sử dụng đất	Độ vươn ban công so với CGDD (m)
I	ODT-LK04	45									
1	ODT-LK04	1	TH.MG15	205,42	78,06	38,00%	249,41	249,41	3 tầng	1,2	Ban công nằm trong CGDD
2	ODT-LK04	2	TH.M21A	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
3	ODT-LK04	3	TH.M21	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
4	ODT-LK04	4	TH.M21A	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
5	ODT-LK04	5	TH.M21	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
6	ODT-LK04	6	TH.M21A	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
7	ODT-LK04	7	TH.M21	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
8	ODT-LK04	8	TH.M21A	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
9	ODT-LK04	9	TH.M21	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
10	ODT-LK04	10	TH.M21A	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
11	ODT-LK04	11	TH.M22	138,00	89,78	55,81%	235,81	235,81	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
12	ODT-LK04	12	TH.M22A	138,00	89,78	55,81%	235,81	235,81	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
13	ODT-LK04	13	TH.M21	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
14	ODT-LK04	14	TH.M21A	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
15	ODT-LK04	15	TH.M21	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD

STT	Tên lô đất	Thứ tự lô	Mẫu áp dụng	Diện tích lô đất (m2)	Diện tích xây dựng (m2)	Mật độ xây dựng (%)	Tổng diện tích sàn (m2) tính Hệ số SDD	Tổng diện tích sàn (m2)	Tầng cao	Hệ số sử dụng đất	Độ vươn ban công so với CGDD (m)
16	ODT-LK04	16	TH.M21A	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
17	ODT-LK04	17	TH.M21	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
18	ODT-LK04	18	TH.M21A	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
19	ODT-LK04	19	TH.M21	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
20	ODT-LK04	20	TH.M21A	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
21	ODT-LK04	21	TH.M21	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
22	ODT-LK04	22	TH.M21A	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
23	ODT-LK04	23	TH.MG11	141,58	74,77	46,07%	204,97	204,97	3 tầng	1,4	Ban công nằm trong CGDD
24	ODT-LK04	24	TH.M21A	122,10	75,00	53,24%	196,40	196,40	3 tầng	1,6	Ban công nằm trong CGDD
25	ODT-LK04	25	TH.M21	117,95	75,00	55,11%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
26	ODT-LK04	26	TH.M21A	113,95	75,00	57,04%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
27	ODT-LK04	27	TH.MG15A	169,92	78,06	45,94%	249,41	249,41	3 tầng	1,5	Ban công nằm trong CGDD
28	ODT-LK04	28	TH.M21	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
29	ODT-LK04	29	TH.M21A	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
30	ODT-LK04	30	TH.M21	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
31	ODT-LK04	31	TH.M21A	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
32	ODT-LK04	32	TH.M21	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD

STT	Tên lô đất	Thứ tự lô	Mẫu áp dụng	Diện tích lô đất (m2)	Diện tích xây dựng (m2)	Mật độ xây dựng (%)	Tổng diện tích sàn (m2) tính Hệ số SĐĐ	Tổng diện tích sàn (m2)	Tầng cao	Hệ số sử dụng đất	Độ vươn ban công so với CGDD (m)
33	ODT-LK04	33	TH.M21A	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
34	ODT-LK04	34	TH.M22	138,00	89,78	55,81%	235,81	235,81	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
35	ODT-LK04	35	TH.M22A	138,00	89,78	55,81%	235,81	235,81	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
36	ODT-LK04	36	TH.M21	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
37	ODT-LK04	37	TH.M21A	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
38	ODT-LK04	38	TH.M21	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
39	ODT-LK04	39	TH.M21A	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
40	ODT-LK04	40	TH.M21	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
41	ODT-LK04	41	TH.M21A	115,00	75,00	56,52%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
42	ODT-LK04	42	TH.MG15	186,11	78,06	41,94%	249,41	249,41	3 tầng	1,3	Ban công nằm trong CGDD
43	ODT-LK04	43	TH.M21	121,54	75,00	53,48%	196,40	196,40	3 tầng	1,6	Ban công nằm trong CGDD
44	ODT-LK04	44	TH.M21A	121,72	75,00	53,40%	196,40	196,40	3 tầng	1,6	Ban công nằm trong CGDD
45	ODT-LK04	45	TH.M21	121,89	75,00	53,33%	196,40	196,40	3 tầng	1,6	Ban công nằm trong CGDD
II	ODT-LK05	42									
1	ODT-LK05	1	TH.MG15A	172,84	78,06	45,16%	249,41	249,41	3 tầng	1,4	Ban công nằm trong CGDD
2	ODT-LK05	2	TH.M21	100,00	75,00	65,00%	196,40	196,40	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
3	ODT-LK05	3	TH.M21A	100,00	75,00	65,00%	196,40	196,40	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD

STT	Tên lô đất	Thứ tự lô	Mẫu áp dụng	Diện tích lô đất (m2)	Diện tích xây dựng (m2)	Mật độ xây dựng (%)	Tổng diện tích sàn (m2) tính Hệ số SDD	Tổng diện tích sàn (m2)	Tầng cao	Hệ số sử dụng đất	Độ vươn ban công so với CGDD (m)
4	ODT-LK05	4	TH.M21	100,00	75,00	65,00%	196,40	196,40	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
5	ODT-LK05	5	TH.M21A	100,00	75,00	65,00%	196,40	196,40	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
6	ODT-LK05	6	TH.M21	100,00	75,00	65,00%	196,40	196,40	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
7	ODT-LK05	7	TH.M21A	100,00	75,00	65,00%	196,40	196,40	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
8	ODT-LK05	8	TH.M21-1	100,00	74,77	64,82%	195,81	195,81	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
9	ODT-LK05	9	TH.M21-1A	100,00	74,77	64,82%	195,81	195,81	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
10	ODT-LK05	10	TH.M21	100,00	75,00	65,00%	196,40	196,40	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
11	ODT-LK05	11	TH.M21A	100,00	75,00	65,00%	196,40	196,40	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
12	ODT-LK05	12	TH.M21	100,00	75,00	65,00%	196,40	196,40	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
13	ODT-LK05	13	TH.M21A	100,00	75,00	65,00%	196,40	196,40	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
14	ODT-LK05	14	TH.M21	100,00	75,00	65,00%	196,40	196,40	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
15	ODT-LK05	15	TH.M21A	100,00	75,00	65,00%	196,40	196,40	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
16	ODT-LK05	16	TH.MG15	166,23	78,06	46,96%	249,41	249,41	3 tầng	1,5	Ban công nằm trong CGDD
17	ODT-LK05	17	TH.M21A	115,30	75,00	56,37%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
18	ODT-LK05	18	TH.M21	112,44	75,00	57,81%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
19	ODT-LK05	19	TH.M21A	109,72	75,00	59,24%	196,40	196,40	3 tầng	1,8	Ban công nằm trong CGDD
20	ODT-LK05	20	TH.M21	107,15	75,00	60,66%	196,40	196,40	3 tầng	1,8	Ban công nằm trong CGDD

STT	Tên lô đất	Thứ tự lô	Mẫu áp dụng	Diện tích lô đất (m2)	Diện tích xây dựng (m2)	Mật độ xây dựng (%)	Tổng diện tích sàn (m2) tính Hệ số SDD	Tổng diện tích sàn (m2)	Tầng cao	Hệ số sử dụng đất	Độ vươn ban công so với CGDD (m)
21	ODT-LK05	21	TH.M21A	104,71	75,00	62,08%	196,40	196,40	3 tầng	1,9	Ban công nằm trong CGDD
22	ODT-LK05	22	TH.MG15A	144,86	78,06	53,89%	249,41	249,41	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
23	ODT-LK05	23	TH.M21	100,00	75,00	65,00%	196,40	196,40	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
24	ODT-LK05	24	TH.M21A	100,00	75,00	65,00%	196,40	196,40	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
25	ODT-LK05	25	TH.M21	100,00	75,00	65,00%	196,40	196,40	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
26	ODT-LK05	26	TH.M21A	100,00	75,00	65,00%	196,40	196,40	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
27	ODT-LK05	27	TH.M21	100,00	75,00	65,00%	196,40	196,40	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
28	ODT-LK05	28	TH.M21A	100,00	75,00	65,00%	196,40	196,40	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
29	ODT-LK05	29	TH.M21-1	100,00	74,77	64,82%	195,81	195,81	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
30	ODT-LK05	30	TH.M21-1A	100,00	74,77	64,82%	195,81	195,81	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
31	ODT-LK05	31	TH.M21	100,00	75,00	65,00%	196,40	196,40	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
32	ODT-LK05	32	TH.M21A	100,00	75,00	65,00%	196,40	196,40	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
33	ODT-LK05	33	TH.M21	100,00	75,00	65,00%	196,40	196,40	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
34	ODT-LK05	34	TH.M21A	100,00	75,00	65,00%	196,40	196,40	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
35	ODT-LK05	35	TH.M21	100,00	75,00	65,00%	196,40	196,40	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
36	ODT-LK05	36	TH.M21A	100,00	75,00	65,00%	196,40	196,40	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
37	ODT-LK05	37	TH.MG15	171,16	78,06	45,61%	249,41	249,41	3 tầng	1,5	Ban công nằm trong CGDD

STT	Tên lô đất	Thứ tự lô	Mẫu áp dụng	Diện tích lô đất (m2)	Diện tích xây dựng (m2)	Mật độ xây dựng (%)	Tổng diện tích sàn (m2) tính Hệ số SĐĐ	Tổng diện tích sàn (m2)	Tầng cao	Hệ số sử dụng đất	Độ vươn ban công so với CGDD (m)
38	ODT-LK05	38	TH.M21A	119,66	75,00	54,32%	196,40	196,40	3 tầng	1,6	Ban công nằm trong CGDD
39	ODT-LK05	39	TH.M21	119,83	75,00	54,24%	196,40	196,40	3 tầng	1,6	Ban công nằm trong CGDD
40	ODT-LK05	40	TH.M21A	120,00	75,00	54,17%	196,40	196,40	3 tầng	1,6	Ban công nằm trong CGDD
41	ODT-LK05	41	TH.M21	120,18	75,00	54,09%	196,40	196,40	3 tầng	1,6	Ban công nằm trong CGDD
42	ODT-LK05	42	TH.M21A	120,35	75,00	54,01%	196,40	196,40	3 tầng	1,6	Ban công nằm trong CGDD
III	ODT-LK06	45									
1	ODT-LK06	1	TH.MG15	218,96	78,06	35,65%	249,41	249,41	3 tầng	1,1	Ban công nằm trong CGDD
2	ODT-LK06	2	TH.M21A	124,94	75,00	52,02%	196,40	196,40	3 tầng	1,6	Ban công nằm trong CGDD
3	ODT-LK06	3	TH.M21	123,48	75,00	52,64%	196,40	196,40	3 tầng	1,6	Ban công nằm trong CGDD
4	ODT-LK06	4	TH.M21A	122,16	75,00	53,21%	196,40	196,40	3 tầng	1,6	Ban công nằm trong CGDD
5	ODT-LK06	5	TH.M21	120,98	75,00	53,73%	196,40	196,40	3 tầng	1,6	Ban công nằm trong CGDD
6	ODT-LK06	6	TH.M21A	119,95	75,00	54,19%	196,40	196,40	3 tầng	1,6	Ban công nằm trong CGDD
7	ODT-LK06	7	TH.M21	119,05	75,00	54,60%	196,40	196,40	3 tầng	1,6	Ban công nằm trong CGDD
8	ODT-LK06	8	TH.M21A	118,29	75,00	54,95%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
9	ODT-LK06	9	TH.M21	117,68	75,00	55,23%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
10	ODT-LK06	10	TH.M21A	117,21	75,00	55,46%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
11	ODT-LK06	11	TH.M22	140,22	89,78	54,93%	235,81	235,81	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD

STT	Tên lô đất	Thứ tự lô	Mẫu áp dụng	Diện tích lô đất (m2)	Diện tích xây dựng (m2)	Mật độ xây dựng (%)	Tổng diện tích sàn (m2) tính Hệ số SĐĐ	Tổng diện tích sàn (m2)	Tầng cao	Hệ số sử dụng đất	Độ vươn ban công so với CGĐĐ (m)
12	ODT-LK06	12	TH.M23	163,27	104,77	54,85%	276,15	276,15	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGĐĐ
13	ODT-LK06	13	TH.M21A	116,62	75,00	55,74%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGĐĐ
14	ODT-LK06	14	TH.M21	116,62	75,00	55,74%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGĐĐ
15	ODT-LK06	15	TH.M21A	116,62	75,00	55,74%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGĐĐ
16	ODT-LK06	16	TH.M21	116,62	75,00	55,74%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGĐĐ
17	ODT-LK06	17	TH.M21A	116,62	75,00	55,74%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGĐĐ
18	ODT-LK06	18	TH.M21	116,62	75,00	55,74%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGĐĐ
19	ODT-LK06	19	TH.M21A	116,62	75,00	55,74%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGĐĐ
20	ODT-LK06	20	TH.M21	116,62	75,00	55,74%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGĐĐ
21	ODT-LK06	21	TH.MG15A	218,84	78,06	35,67%	249,41	249,41	3 tầng	1,1	Ban công nằm trong CGĐĐ
22	ODT-LK06	22	TH.M21	102,76	75,00	63,25%	196,40	196,40	3 tầng	1,9	Ban công nằm trong CGĐĐ
23	ODT-LK06	23	TH.M21A	104,22	75,00	62,37%	196,40	196,40	3 tầng	1,9	Ban công nằm trong CGĐĐ
24	ODT-LK06	24	TH.M21	105,68	75,00	61,51%	196,40	196,40	3 tầng	1,9	Ban công nằm trong CGĐĐ
25	ODT-LK06	25	TH.M21A	107,14	75,00	60,67%	196,40	196,40	3 tầng	1,8	Ban công nằm trong CGĐĐ
26	ODT-LK06	26	TH.MG11	100,61	74,77	64,82%	204,97	204,97	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGĐĐ
27	ODT-LK06	27	TH.M5	125,00	100,00	72,00%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGĐĐ
28	ODT-LK06	28	TH.M5A	125,00	100,00	72,00%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGĐĐ

STT	Tên lô đất	Thứ tự lô	Mẫu áp dụng	Diện tích lô đất (m2)	Diện tích xây dựng (m2)	Mật độ xây dựng (%)	Tổng diện tích sàn (m2) tính Hệ số SĐĐ	Tổng diện tích sàn (m2)	Tầng cao	Hệ số sử dụng đất	Độ vươn ban công so với CGDD (m)
29	ODT-LK06	29	TH.M5	125,00	100,00	72,00%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
30	ODT-LK06	30	TH.M5A	125,00	100,00	72,00%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
31	ODT-LK06	31	TH.M5	125,00	100,00	72,00%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
32	ODT-LK06	32	TH.M5A	125,00	100,00	72,00%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
33	ODT-LK06	33	TH.M3-2	175,00	139,70	71,17%	360,39	360,39	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
34	ODT-LK06	34	TH.M5-1A	150,00	119,70	71,52%	308,27	308,27	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
35	ODT-LK06	35	TH.M5	125,00	100,00	72,00%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
36	ODT-LK06	36	TH.M5A	125,00	100,00	72,00%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
37	ODT-LK06	37	TH.M5	125,00	100,00	72,00%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
38	ODT-LK06	38	TH.M5A	125,00	100,00	72,00%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
39	ODT-LK06	39	TH.M5	125,00	100,00	72,00%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
40	ODT-LK06	40	TH.M5A	125,00	100,00	72,00%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
41	ODT-LK06	41	TH.MG10-1A	113,69	91,97	76,37%	246,28	246,28	3 tầng	2,2	Ban công nằm trong CGDD
42	ODT-LK06	42	TH.M5	121,52	100,00	74,06%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
43	ODT-LK06	43	TH.M5A	121,35	100,00	74,17%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
44	ODT-LK06	44	TH.M5	121,17	100,00	74,28%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
45	ODT-LK06	45	TH.M5A	121,00	100,00	74,38%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD

STT	Tên lô đất	Thứ tự lô	Mẫu áp dụng	Diện tích lô đất (m2)	Diện tích xây dựng (m2)	Mật độ xây dựng (%)	Tổng diện tích sàn (m2) tính Hệ số SDD	Tổng diện tích sàn (m2)	Tầng cao	Hệ số sử dụng đất	Độ vươn ban công so với CGDD (m)
IV	ODT-LK07	46									
1	ODT-LK07	1	TH.MG19A	254,42	144,84	51,37%	409,71	409,71	3 tầng	1,6	Ban công nằm trong CGDD
2	ODT-LK07	2	TH.M5	123,04	100,00	73,15%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
3	ODT-LK07	3	TH.M5A	122,87	100,00	73,25%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
4	ODT-LK07	4	TH.M5	122,70	100,00	73,35%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
5	ODT-LK07	5	TH.M5A	122,52	100,00	73,46%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
6	ODT-LK07	6	TH.MG10-1	114,35	91,97	75,93%	246,28	246,28	3 tầng	2,2	Ban công nằm trong CGDD
7	ODT-LK07	7	TH.M5	125,00	100,00	72,00%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
8	ODT-LK07	8	TH.M5A	125,00	100,00	72,00%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
9	ODT-LK07	9	TH.M5	125,00	100,00	72,00%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
10	ODT-LK07	10	TH.M5A	125,00	100,00	72,00%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
11	ODT-LK07	11	TH.M5	125,00	100,00	72,00%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
12	ODT-LK07	12	TH.M5A	125,00	100,00	72,00%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
13	ODT-LK07	13	TH.M5-1	150,00	119,70	71,52%	308,27	308,27	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
14	ODT-LK07	14	TH.M5-1A	150,00	119,70	71,52%	308,27	308,27	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
15	ODT-LK07	15	TH.M5	125,00	100,00	72,00%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
16	ODT-LK07	16	TH.M5A	125,00	100,00	72,00%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD

STT	Tên lô đất	Thứ tự lô	Mẫu áp dụng	Diện tích lô đất (m2)	Diện tích xây dựng (m2)	Mật độ xây dựng (%)	Tổng diện tích sàn (m2) tính Hệ số SĐĐ	Tổng diện tích sàn (m2)	Tầng cao	Hệ số sử dụng đất	Độ vươn ban công so với CGDD (m)
17	ODT-LK07	17	TH.M5	125,00	100,00	72,00%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
18	ODT-LK07	18	TH.M5A	125,00	100,00	72,00%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
19	ODT-LK07	19	TH.M5	125,00	100,00	72,00%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
20	ODT-LK07	20	TH.M5A	125,00	100,00	72,00%	256,67	256,67	3 tầng	2,1	Ban công nằm trong CGDD
21	ODT-LK07	21	TH.MG11A	106,16	74,77	61,44%	204,97	204,97	3 tầng	1,9	Ban công nằm trong CGDD
22	ODT-LK07	22	TH.M21	115,61	75,00	56,22%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
23	ODT-LK07	23	TH.M21A	117,06	75,00	55,53%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
24	ODT-LK07	24	TH.M21	118,52	75,00	54,84%	196,40	196,40	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
25	ODT-LK07	25	TH.M21A	119,98	75,00	54,18%	196,40	196,40	3 tầng	1,6	Ban công nằm trong CGDD
26	ODT-LK07	26	TH.MG19	238,17	144,84	54,88%	409,71	409,71	3 tầng	1,7	Ban công nằm trong CGDD
27	ODT-LK07	27	TH.M5A	126,97	100,00	70,88%	256,67	256,67	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
28	ODT-LK07	28	TH.M5	128,43	100,00	70,08%	256,67	256,67	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
29	ODT-LK07	29	TH.M5A	129,89	100,00	69,29%	256,67	256,67	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
30	ODT-LK07	30	TH.M5	131,35	100,00	68,52%	256,67	256,67	3 tầng	2,0	Ban công nằm trong CGDD
31	ODT-LK07	31	TH.M5A	132,81	100,00	67,77%	256,67	256,67	3 tầng	1,9	Ban công nằm trong CGDD
32	ODT-LK07	32	TH.M5	134,27	100,00	67,03%	256,67	256,67	3 tầng	1,9	Ban công nằm trong CGDD
33	ODT-LK07	33	TH.M5A	135,00	100,00	66,67%	256,67	256,67	3 tầng	1,9	Ban công nằm trong CGDD

STT	Tên lô đất	Thứ tự lô	Mẫu áp dụng	Diện tích lô đất (m2)	Diện tích xây dựng (m2)	Mật độ xây dựng (%)	Tổng diện tích sàn (m2) tính Hệ số SDD	Tổng diện tích sàn (m2)	Tầng cao	Hệ số sử dụng đất	Độ vươn ban công so với CGDD (m)
34	ODT-LK07	34	TH.M5	135,00	100,00	66,67%	256,67	256,67	3 tầng	1,9	Ban công nằm trong CGDD
35	ODT-LK07	35	TH.M5A	135,00	100,00	66,67%	256,67	256,67	3 tầng	1,9	Ban công nằm trong CGDD
36	ODT-LK07	36	TH.M5-1	162,00	119,70	66,22%	308,27	308,27	3 tầng	1,9	Ban công nằm trong CGDD
37	ODT-LK07	37	TH.M5-1A	162,00	119,70	66,22%	308,27	308,27	3 tầng	1,9	Ban công nằm trong CGDD
38	ODT-LK07	38	TH.M5A	135,00	100,00	66,67%	256,67	256,67	3 tầng	1,9	Ban công nằm trong CGDD
39	ODT-LK07	39	TH.M5	135,00	100,00	66,67%	256,67	256,67	3 tầng	1,9	Ban công nằm trong CGDD
40	ODT-LK07	40	TH.M5A	135,00	100,00	66,67%	256,67	256,67	3 tầng	1,9	Ban công nằm trong CGDD
41	ODT-LK07	41	TH.M5	135,00	100,00	66,67%	256,67	256,67	3 tầng	1,9	Ban công nằm trong CGDD
42	ODT-LK07	42	TH.M5A	135,00	100,00	66,67%	256,67	256,67	3 tầng	1,9	Ban công nằm trong CGDD
43	ODT-LK07	43	TH.M5	135,00	100,00	66,67%	256,67	256,67	3 tầng	1,9	Ban công nằm trong CGDD
44	ODT-LK07	44	TH.M5A	135,00	100,00	66,67%	256,67	256,67	3 tầng	1,9	Ban công nằm trong CGDD
45	ODT-LK07	45	TH.M5	135,00	100,00	66,67%	256,67	256,67	3 tầng	1,9	Ban công nằm trong CGDD
46	ODT-LK07	46	TH.M5A	135,00	100,00	66,67%	256,67	256,67	3 tầng	1,9	Ban công nằm trong CGDD

